TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69**/2023/DS-PT
Ngày: 15/8/2023
V/v tranh chấp di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Quang và ông Mai Hạnh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 09/02/2023 của Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 107/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Ông Đoàn Hữu H – sinh năm 1955, địa chỉ: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Tô Thị T – sinh năm 1958, địa chỉ: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; địa chỉ liên hệ: thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2/ Bà Đoàn Thị Hồng H – sinh năm 1960, địa chỉ: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3/ Ông Đoàn Hữu D – sinh năm 1968, địa chỉ: tổ T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Bị đơn:

1/ Ông Đoàn Hữu U – sinh năm 1970, địa chỉ: đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2/ Ông Đoàn Hữu P – sinh năm 1952, địa chỉ: đường Q, khu phố L, phường C, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Đoàn Hữu NLQ1 – sinh năm 1966, địa chỉ: thôn D, xã X, thị xã S, tỉnh

Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Bà Đoàn Thị Hồng NLQ2 – sinh năm 1948, địa chỉ: thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3/ Bà Võ Thị NLQ3 – sinh năm 1968, địa chỉ: đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. (vợ ông U) Có mặt.

4/ Bà Tô Thị T – sinh năm 1958, địa chỉ: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; địa chỉ liên hệ: thôn B, xã X Bình, thị xã S, tỉnh Phú Yên. (vợ ông H) Có mặt.

Do có kháng cáo của các nguyên đơn: Đoàn Hữu H, bà Đoàn Thị Hồng H và Đoàn Hữu D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các đồng nguyên đơn trình bày:

Lúc sinh thời cha mẹ là cụ Đoàn C (chết năm 1968), cụ Trần Thị P có nhà ở trên đất của vợ chồng cụ Nguyễn B, cụ Phạm Thị T. Sau khi vợ chồng cụ B chết, các con của cụ B, cụ T cử ông Nguyễn Hùng S đại diện khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cụ Trần Thị P phải trả lại nhà và đất. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 27 ngày 27/5/1995 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng đã tuyên xử, quyết định giao cho cụ Trần Thị P được sở hữu toàn bộ ngôi nhà có trên diện tích 35,8m^2 (gồm 20,2m^2 của vợ chồng cụ B, cụ T xây dựng và 15,6m^2 do cụ C, cụ P xây dựng) nằm trên trên diện tích đất 104,78m^2, tọa lạc tại thôn L, thị trấn S, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Cụ Trần Thị P chết ngày 05/10/2000, không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của cụ P có 07 người con, gồm: Đoàn Thị Hồng NLQ2, Đoàn Hữu P, Đoàn Hữu H, Đoàn Thị Hồng H, Đoàn Hữu NLQ1, Đoàn Hữu D, Đoàn Hữu U; di sản thừa kế của cụ P để lại là ngôi nhà 35,8m^2 gắn liền với diện tích đất 104,78m^2, tại thôn L, thị trấn S, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay đo đạc thực tế diện tích đất là 115m^2, tại địa chỉ đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên).

Nguồn gốc di sản là do cụ P được công nhận theo Bản án dân sự phúc thẩm số 27 ngày 27/5/1995 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng. Đồng thời, cụ P có nghĩa vụ T toán cho ông Nguyễn Hùng S 27.467.600đ, chịu án phí sơ thẩm 1.373.380đ và án phí phúc thẩm 50.000đ.

Quá trình thi hành Bản án số 27, ông Đoàn Hữu H đã nộp cho cơ quan thi hành án số tiền 14.467.600đ thay cụ Trần Thị P, số tiền còn lại ông Đoàn Hữu U nộp cho cơ quan thi hành án thay cụ Trần Thị P.

Năm 2009, ngôi nhà cũ 35,8m^2 của cụ P sập đổ nên năm 2010 ông U xây dựng ngôi nhà mới, hiện đang tồn tại trên đất. Hiện nay di sản của cụ P để lại là 115m^2 đất nêu trên nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật. Riêng ông Đoàn Hữu H yêu cầu Tòa án xem xét chia ½ giá trị quyền sử dụng đất cho ông H, bởi ông H đã bỏ ra số tiền 14.467.600đ nộp cho cơ quan thi hành án để thi hành Bản án số 27 là tương đương ½ giá trị quyền sử dụng đất.

Theo các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Đoàn Hữu U trình bày:

Khi còn sống, cha mẹ ông U có ở nhờ trên đất của cụ Nguyễn B, Phạm Thị T. Sau khi cha chết thì các anh chị em sống chung với mẹ. Sau đó, các anh chị xây dựng gia đình ra ở riêng, còn lại vợ chồng ông U và mẹ là cụ Trần Thị P sống trong ngôi nhà ở trên diện tích đất ở nhờ.

Năm 1994, ông Nguyễn Hùng S, con của cụ Nguyễn B, Phạm Thị T khởi kiện đòi nhà và đất. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 27 ngày 27/5/1995 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng đã quyết định giao cho cụ Trần Thị P sở hữu ngôi nhà 35,8m^2 gắn liền với diện tích đất 104,78m^2, tọa lạc tại thôn L, thị trấn S, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay đo đạc thực tế diện tích đất là 115m^2, tại địa chỉ đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên). Cụ P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Hùng S 27.467.600đ, chịu án phí sơ thẩm 1.373.380đ và án phí phúc thẩm 50.000đ.

Quá trình thi hành án, cụ Trần Thị P già yếu không có tiền để thi hành nên giao cho ông U thi hành Bản án số 27 nêu trên và giao lại cho vợ chồng ông U toàn bộ nhà, đất. Vợ chồng ông U nộp cho cơ quan thi hành án số tiền 27.467.600đ để hoàn trả cho ông Nguyễn Hùng S và nộp án phí 1.423.380đ, tổng cộng là 28.890.980đ. Bản chất là vợ chồng ông U bỏ tiền ra mua lại diện tích đất.

Cụ thể: Từ năm 1998 đến năm 2002, ông U trực tiếp thi hành, nộp tiền trả ông Nguyễn Hùng S nhiều lần với tổng số tiền 13.000.000đ. Trong năm 2002, ông Nguyễn Hùng S không cho thi hành trả dần mà yêu cầu phải thi hành toàn bộ số tiền 14.467.600đ một lần, nếu không ông S yêu cầu phát mãi tài sản. Do không có tiền thi hành một lần nên vào tháng 6 năm 2002, ông U mượn vợ chồng ông Đoàn Hữu H, Tô Thị T số tiền 14.467.600đ và nhờ ông H nộp thay vào cơ quan thi hành án để trả cho ông S. Trong thời gian này, ông U có nhờ ông Đoàn Hữu NLQ1 nuôi dùm tôm hùm đến tháng 8 năm 2002 thì bán tôm được 25.000.000đ và dùng tiền này trả lại cho ông Đoàn Hữu H 14.500.000đ.

Như vậy, ông Đoàn Hữu U thi hành toàn bộ nghĩa vụ của Bản án số 27 nên ông U không đồng ý yêu cầu chia di sản thừa kế. Đề nghị chấp nhận yêu cầu độc lập của ông U, công nhận diện tích đất là 115m^2, tại địa chỉ đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên thuộc quyền sử dụng của ông U. Đối với ngôi nhà hiện đang tồn tại trên đất do vợ chồng ông U bỏ tiền ra xây dựng, không phải là di sản thừa kế.

Theo các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Đoàn Hữu P trình bày:

Khi còn sống mẹ Trần Thị P có làm giấy ủy quyền cho Đoàn Hữu U thay mẹ thực hiện việc nộp tiền thi hành án. Tiền nộp thi hành án là tiền của Đoàn Hữu U, vì lúc này cụ P đã già yếu, không có thu nhập, thuộc hộ nghèo không có khả năng thi hành án. Trường hợp Tòa án chia di sản thừa kế thì ông P có ý kiến: Cần phải xem xét công sức nuôi dưỡng, chăm sóc của ông Đoàn Hữu U đối với cụ Trần Thị P; công sức tôn tạo, bảo quản di sản. Vì nếu ông U không ở, bảo quản di sản, không nộp tiền thi hành bản án để giữ lại tài sản thì cơ quan thi hành án đã phát mãi, không còn di sản. Do đó, ông P đề nghị trích ra một phần để thanh toán công sức, chi phí

bảo quản di sản và công sức nuôi dưỡng mẹ Trần Thị P cho ông U khi chia di sản thừa kế. Phần di sản thừa kế chia cho ông P thì giao lại cho ông Đoàn Hữu U. Các nội dung khác thống nhất như trình bày của ông Đoàn Hữu U.

Theo các lời khai có tại hồ sơ vụ án, ông Đoàn Hữu NLQ1 trình bày:

Trước đây, ông NLQ1 có ký vào đơn khởi kiện nhưng sau đó ông NLQ1 tự nguyện xin rút đơn khởi kiện. Việc vào năm 2002, ông Đoàn Hữu H, bà Tô Thị T có cho ông Đoàn Hữu U mượn số tiền 14.500.000đ để nộp thi hành án, sau đó ông NLQ1 bán tôm hùm nuôi dùm cho ông U được 25.000.000đ, vợ chồng ông H, bà T đã vào nhà ông NLQ1 lấy số tiền 14.500.000đ của ông U trả nợ hay không thì ông NLQ1 không nhớ rõ, vì thời gian đã quá lâu.

Tuy nhiên, năm 2002 ông H có đến cơ quan thi hành án để nộp số tiền phải thi hành án của mẹ Trần Thị P khoảng 14.500.000đ, số tiền này của ông H hay của ông U thì ông NLQ1 không rõ.

Từ năm 1998 đến năm 2002, ông U nhiều lần trực tiếp nộp tiền cho cơ quan thi hành án để thi hành Bản án số 27 là tiền của ông U, vì thời điểm này mẹ Trần Thị P đã già yếu, bệnh, không có thu nhập, thuộc hộ nghèo nên không có tiền nộp thi hành án. Nếu ông U không trực tiếp liên hệ với cơ quan thi hành án để làm việc, nộp tiền thi hành bản án nêu trên thì Nhà nước đã cưỡng chế, kê biên bán nhà, đất; không còn nhà, đất hiện nay để tranh chấp. Ông U là người có công rất lớn trong việc giữ gìn, bảo quản di sản.

Đề nghị Tòa án xem xét trích một phần hai giá trị di sản cho ông U, còn lại một phần hai giá trị di sản thì chia cho 07 đồng thừa kế. Kỷ phần ông NLQ1 được hưởng thì ông NLQ1 giao lại cho ông U để ông U có điều kiện giữ lại ngôi nhà thờ cúng cha mẹ.

Theo các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Đoàn Thị Hồng NLQ2 trình bày:

Khi còn sống mẹ Trần Thị P có làm giấy ủy quyền cho Đoàn Hữu U thay mẹ thực hiện việc đi nộp tiền thi hành án. Theo bà NLQ2 biết, những biên lai nộp tiền thi hành án đứng tên Đoàn Hữu U là tiền của U bỏ ra, các anh chị em không ai góp vào. Đối số tiền 14.467.600đ do Đoàn Hữu H nộp tiền thì bà NLQ2 được nghe các anh chị em trong gia đình kể lại là tiền của U mượn Đoàn Hữu H (tên gọi khác là Hoàng) để nhờ Hòa và Đoàn Hữu NLQ1 nộp thay, số tiền này Đoàn Hữu U đã trả cho Đoàn Hữu H.

Ông U là người có công chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ lúc tuổi già, vì các anh chị em khi lớn lên đã có gia đình ở riêng. Ông U là người tôn tạo, giữ gìn, quản lý di sản. Trường hợp Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật thì bà NLQ2 giao kỷ phần thừa kế của mình lại cho ông Đoàn Hữu U.

Theo các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Võ Thị NLQ3 thống nhất với trình bày của ông Đoàn Hữu U.

Theo các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Tô Thị T trình bày:

Thống nhất với ý kiến của các đồng nguyên đơn và yêu cầu chia cho ông H ½ giá trị di sản là quyền sử dụng đất vì ông H là chồng bà T đã nộp cho cơ quan thi hành án số tiền 14.467.600đ (tương đương ½ giá trị đất) thay cho cụ Trần Thị P vào ngày 18/6/2002 để thi hành án trả tiền cho ông Nguyễn Hùng S.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 09/02/2023 của Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu đã căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Hữu NLQ1; đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Đoàn Hữu H, Đoàn Thị Hồng H, Đoàn Hữu D đối với yêu cầu chia thừa kế quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ: đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 157, 165, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 611, 612, 613, 614, 618; khoản 1 Điều 623; các Điều 649, 650, 651, 660 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Đoàn Hữu H, Đoàn Thị Hồng H, Đoàn Hữu D:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Hữu H, bà Tô Thị T đòi chia ½ giá trị di sản là quyền sử dụng đất.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Hữu U đòi sở hữu, sử dụng toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất.

[1.1] Xác định di sản thừa kế của cụ Trần Thị P để lại là diện tích 115m^2, thuộc thửa 18, tờ bản đồ 12 (đo đạc năm 2012), tọa lạc tại: đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

[1.2] Những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Trần Thị P gồm: Đoàn Thị Hồng NLQ2, Đoàn Hữu P, Đoàn Hữu H, Đoàn Thị Hồng H, Đoàn Hữu NLQ1, Đoàn Hữu D, Đoàn Hữu U.

[1.3] Chia thừa kế theo pháp luật cho các ông, bà Đoàn Hữu H, Đoàn Thị Hồng H, Đoàn Hữu D, mỗi người được hưởng 1/7 x 60% giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án.

Chia di sản thừa kế theo pháp luật cho các ông, bà Đoàn Thị Hồng NLQ2, Đoàn Hữu P, Đoàn Hữu NLQ1, Đoàn Hữu U, mỗi người được hưởng 1/7 x 60% giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án. Ghi nhận sự tự nguyện của các ông, bà Đoàn Thị Hồng NLQ2, Đoàn Hữu P, Đoàn Hữu NLQ1 giao phần thừa kế của mình cho ông Đoàn Hữu U; ông Đoàn Hữu U được nhận phần thừa kế là: 4/7 x 60% giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án.

[1.4] Chia công sức tôn tạo, giữ gìn, quản lý di sản cho ông Đoàn Hữu U bằng 30% giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án.

[1.5] Chia công sức giữ gìn di sản cho ông Đoàn Hữu H bằng 10% giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án.

[1.6] Giao cho ông Đoàn Hữu U được nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 115m^2, thuộc thửa 18, tờ bản đồ 12 (đo đạc năm 2012), tọa lạc tại: đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; đồng thời phải có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế Đoàn Hữu H, Đoàn Thị Hồng H, Đoàn Hữu D mỗi người tương đương 1/7 x 60% giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án.

[1.7] Trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Đoàn Hữu U không tự nguyện thi hành việc thanh toán tiền cho các đồng thừa kế Đoàn Hữu H, Đoàn Thị Hồng H, Đoàn Hữu D, thì phải bàn giao căn nhà cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền thực hiện đấu giá, phát mãi theo quy định pháp luật. Sau khi cấn trừ các chi phí khác trong việc thi hành án, giá trị đất còn lại được chia cho các đồng thừa kế Đoàn Hữu H, Đoàn Thị Hồng H, Đoàn Hữu D, Đoàn Hữu U theo tỷ lệ đã xác định nêu trên.

[1.8] Ông Đoàn Hữu U được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu nhà, đất tại địa chỉ: đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên theo quy định của pháp luật, sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các nguyên đơn: Đoàn Hữu H, bà Đoàn Thị Hồng H và Đoàn Hữu D kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà T trình bày: Đề nghị Tòa án xem xét chia ½ giá trị đất theo giá thị trường cho ông H, vì trước đây ông H bỏ ra số tiền 14.467.600đ nộp cho cơ quan thi hành án là tương đương ½ giá trị đất. Bà T, ông H đồng ý mua lại nhà, đất với giá 05 tỷ đồng.

Các đương sự khác giữ nguyên quan điểm trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực đầy đủ các quyền của mình theo quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xác định di sản của cụ P là quyền sử dụng diện tích đất 115m^2, thuộc thửa 18, tờ bản đồ 12 (đo đạc năm 2012), tọa lạc tại: đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Tính công sức bảo quản di sản của ông Đoàn Hữu U là 30%, ông H là 30% giá trị của di sản; 60% giá trị di sản còn lại xác định phần

của ông U là 47%; phần của ông H là 53%, tương ứng với số tiền mà các ông này đã tiền thi hành án, thực hiện nghĩa vụ tài sản do cụ P để lại. Do Hội đồng định giá không có căn cứ để định giá di sản theo giá thị trường nên xác định giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo còn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình tố tụng, ông Đoàn Hữu NLQ1 rút yêu cầu khởi kiện; ông Đoàn Hữu H, bà Đoàn Thị Hồng H và Đoàn Hữu D rút một phần yêu cầu khởi kiện (chia thừa kế ngôi nhà) là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về thời điểm mở thừa kế: Các đương sự thống nhất cụ Trần Thị P chết ngày 05/10/2000, phù hợp với trích lục khai tử và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, nên xác định thời điểm mở thừa kế cụ P là ngày 05/10/2000.

[2.3] Về hàng thừa kế của cụ Trần Thị P gồm 07 người: Đoàn Thị Hồng NLQ2, Đoàn Hữu P, Đoàn Hữu H, Đoàn Thị Hồng H, Đoàn Hữu NLQ1, Đoàn Hữu D, Đoàn Hữu U.

[2.4] Về di sản thừa kế của cụ Trần Thị P:

[2.4.1] Căn cứ Bản án dân sự phúc thẩm số 27 ngày 27/5/1995 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng (Bản án số 27) và trình bày của các đương sự đủ cơ sở xác định di sản cụ P để lại là ngôi nhà 35,8m^2 gắn liền với diện tích đất 104,78m^2 (nay đo đạc thực tế 115m^2) tại địa chỉ đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Đồng thời, theo Bản án số 27 thì cụ P có nghĩa vụ thi hành án 27.467.600đ (tương ứng với giá trị đất và nhà tại thời điểm năm 1995), án phí sơ thẩm 1.373.380đ và án phí phúc thẩm 50.000đ.

[2.4.2] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thì quá trình thi hành án Bản án số 27, khi cụ P còn sống không có tiền để nộp thi hành án, đến ngày 05/10/2000 cụ P chết thì nghĩa vụ thi hành án vẫn chưa thi hành xong. Như vậy, thời điểm cụ P chết đã để lại di sản và nghĩa vụ tài sản nêu trên, các người thừa kế có các quyền thừa kế bên cạnh đó cũng phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do cụ P để lại. Xét ông U đã nhiều lần nộp cho cơ quan thi hành án tổng cộng số tiền 14.373.380đ, ông H nộp cho cơ quan thi hành án số tiền 14.467.600đ. Như vậy, nghĩa vụ tài sản do cụ P chết để lại do ông U và ông H thực hiện mỗi người tương đương ½ giá trị di sản tại thời điểm thi hành Bản án số 27. Các đồng thừa kế khác không thực hiện nghĩa vụ tài sản do cụ P chết để lại.

[2.4.3] Năm 2009, ngôi nhà bị hư hỏng sập đổ nên vợ chồng ông U, bà NLQ3 tháo dỡ, xây ngôi nhà mới hiện nay. Do đó, di sản thừa kế cụ P đến thời điểm hiện nay là 115m^2 đất ở tại địa chỉ đường P.

[2.4.4] Tại đơn yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập ngày 14/10/2022, vợ chồng ông Đoàn Hữu U, bà Võ Thị NLQ3 trình bày: ngoài số tiền 14.373.380 đồng ông U nộp thi hành Bản án số 27, ông U có vay của ông H số tiền 14.467.600đ để nộp cho cơ quan thi hành án, sau đó ông U đã trả số tiền này lại cho ông H; như vậy ông U là người thi hành toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Bản án số 27. Do đó, vợ chồng ông U yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích đất tọa lạc tại đường P, khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên cùng căn nhà trên đất cho vợ chồng ông U, bà NLQ3. Tuy nhiên, tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm vợ chồng ông U bà NLQ3 không cung cấp được chứng cứ để chứng minh việc ông U có vay của ông H số tiền 14.467.600 đồng để nộp cho cơ quan thi hành án. Do đó, chỉ có căn cứ chấp nhận 1 phần yêu cầu phản tố của ông U, 1 phần yêu cầu độc lập của bà NLQ3. Ông U nộp tiền thi hành Bản án số 27 trong thời kỳ hôn nhân với bà NLQ3 nên xác định ½ giá trị quyền sử dụng đất (đã nêu tại mục [2.4.2]) là của vợ chồng ông U, bà NLQ3.

[2.5] Về chia di sản thừa kế: Từ các phân tích tại Mục [2.4] nêu trên thấy rằng di sản cụ P để lại tương đương nghĩa vụ tài sản mà cụ P phải thực hiện, trong các đồng thừa kế chỉ có ông U, ông H thực hiện nghĩa vụ tài sản để giữ lại di sản của cụ P; mỗi người thực hiện nghĩa vụ tài sản tương đương ½ giá trị di sản, như vậy công sức đóng góp của ông U, ông H là tương đối bằng nhau, trong đó phần của ông H nhiều hơn. Do đó, ông H yêu cầu được chia ½ giá trị di sản là có căn cứ chấp nhận, nên chia cho ông H hưởng ½ giá trị di sản, ông U hưởng ½ giá trị di sản là hợp tình, hợp lý.

[2.6] Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường, không thỏa thuận lựa chọn được tổ chức thẩm định giá, Tòa án đã 02 lần ban hành quyết định thành lập hội đồng định giá tài sản nhưng Hội đồng định giá không đủ cơ sở để xác định giá theo giá thị trường. Vì vậy, chia theo tỷ lệ mỗi người ½ giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án là phù hợp.

[2.7] Xét hiện trên đất có nhà ở của vợ chồng ông U, bà NLQ3 nên giao cho ông U, bà NLQ3 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 115m^2, thuộc thửa 18, tờ bản đồ 12 (đo đạc năm 2012), tọa lạc tại: đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Ông Đoàn Hữu U có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đoàn Hữu H ½ giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án.

[2.8] Ông Đoàn Hữu U được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 115m^2, thuộc thửa 18, tờ bản đồ 12 (đo đạc năm 2012), tọa lạc tại: đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên sau khi thanh toán cho ông Đoàn Hữu H ½ giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án.

[2.9] Trường hợp ông Đoàn Hữu U không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đủ ½ giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án cho ông Đoàn Hữu H thì cơ quan

thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi để chia cho ông Đoàn Hữu H, ông Đoàn Hữu U mỗi người được hưởng ½ giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án, sau khi trừ chi phí phát mãi, thi hành án.

[2.10] Ngày 08/6/2023, UBND thị xã Sông Cầu có Thông báo về việc công khai giá trị bồi thường khi thu hồi đất, trong đó thu hồi 38,1m^2 đất trong 115m^2 đất nêu trên. Do đó, trong trường hợp Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất, bồi thường thì ông Đoàn Hữu H, ông Đoàn Hữu U mỗi người được hưởng ½ số tiền bồi thường về đất.

[2.11] *Từ các phân tích trên,* Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức đóng góp cho ông U là 30% giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án, ông H là 10% giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án, còn lại 60% giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án chia đều cho 07 đồng thừa kế theo pháp luật là không có căn cứ, mang tính chủ quan; chưa đảm bảo quyền lợi của ông U và ông H. Nên cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Hữu H, sửa bản án sơ thẩm. Đồng thời xác định di sản của cụ P để lại tương đương với nghĩa vụ về tài sản của cụ P đã được ông U và ông H thực hiện nên không còn để chia thừa kế cho các đồng thừa kế. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo về việc chia thừa kế của nguyên đơn Đoàn Thị Hồng H và Đoàn Hữu D.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật. Miễn án phí cho ông Đoàn Hữu H, bà Đoàn Thị Hồng H vì là người cao tuổi và có đơn xin miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Hữu H, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị Hồng H và ông Đoàn Hữu D. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 09/02/2023 của Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu.

Áp dụng Điều 26, 38, 39, 147, 148, 157, 165, 308, 309 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 636, 637, 639, 640 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 209, 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 26, 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Hữu H về việc chia ½ giá trị quyền sử dụng diện tích đất 115m^2, thuộc thửa 18, tờ bản đồ 12 (đo đạc năm 2012), tọa lạc tại: đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

[2] Không chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Hữu D về việc chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị P, đối với diện tích đất 115m^2, thuộc thửa 18, tờ bản đồ 12 (đo đạc năm 2012), tọa lạc tại: đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

[3] Chấp nhận một phần đơn yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đoàn Hữu U và một phần yêu cầu độc lập của bà Võ Thị NLQ3.

[4] Chia cho ông Đoàn Hữu H và vợ chồng ông Đoàn Hữu U, bà Võ Thị NLQ3 mỗi bên được hưởng ½ giá trị quyền sử dụng đất 115m^2, thuộc thửa 18, tờ bản đồ 12 (đo đạc năm 2012), tọa lạc tại: đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, giá trị chia tại thời điểm thi hành án.

[5] Giao cho vợ chồng ông Đoàn Hữu U, bà Võ Thị NLQ3 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 115m^2, thuộc thửa 18, tờ bản đồ 12 (đo đạc năm 2012), tọa lạc tại: đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (có sơ đồ kèm theo bản án này). Ông Đoàn Hữu U có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đoàn Hữu H ½ giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án.

[6] Vợ chồng ông Đoàn Hữu U, bà Võ Thị NLQ3 được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 115m^2, thuộc thửa 18, tờ bản đồ 12 (đo đạc năm 2012), tọa lạc tại: đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên sau khi thanh toán xong cho ông Đoàn Hữu H ½ giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án.

[7] Trường hợp vợ chồng ông Đoàn Hữu U, bà Võ Thị NLQ3 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đủ ½ giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án cho ông Đoàn Hữu H thì cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại để chia cho ông Đoàn Hữu H, vợ chồng ông U bà NLQ3 mỗi bên được hưởng ½ giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án, sau khi trừ chi phí phát mại, thi hành án.

[8] Trường hợp Uỷ ban nhân dân thị xã Sông Cầu thu hồi, bồi thường về đất thì ông Đoàn Hữu H, vợ chồng ông Đoàn Hữu U mỗi bên được hưởng ½ số tiền bồi thường về đất.

[9] Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Hữu NLQ1.

[10] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu chia thừa kế (phần nhà ở) của các nguyên đơn ông Đoàn Hữu H, bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Hữu D.

Về chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm: Tổng cộng là 10.657.000đ.

Ông Đoàn Hữu H phải chịu 5.500.000đ, đã nộp xong;

Ông Đoàn Hữu U phải chịu 5.157.000đ, bà Đoàn Thị Hồng H đã nộp 5.157.000đ, nên ông Đoàn Hữu U phải thanh toán trả cho bà Đoàn Thị Hồng H 5.157.000đ (năm triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm:

Hoàn trả cho ông Đoàn Hữu H 39.800.000đ (Ba mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án: số 4957 ngày 21/7/2020, số 3034 ngày 15/4/2022 và số 8301 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Ông Đoàn Hữu U phải chịu 36.448.425đ và 300.000đ án phí do một phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận, được khấu số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã

nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 3459 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu. Nên ông Đoàn Hữu U còn phải nộp 36.448.425đ (ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Bà Võ Thị NLQ3 phải chịu 300.000đ án phí do một phần yêu cầu độc lập không được chấp nhận, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 3460 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Hữu D mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận) được khấu trừ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 4957 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu. Nên hoàn trả cho bà Đoàn Thị Hồng H, ông Đoàn Hữu D mỗi người 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Đoàn Thị Hồng H 300.000đ tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 8300 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Ông Đoàn Hữu D phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm (do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận), được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 8302 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Hoàn trả cho ông Đoàn Hữu NLQ1 số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 4957 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND thị xã Sông Cầu (2);
- VKSND thị xã Sông Cầu (1);
- CC THADS thị xã Sông Cầu (1);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn, KTNV, tt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trúc Lâm